

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 27/2024/HS-ST
Ngày: 06-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Kim Thành
- Bà Đặng Thị Châu Loan

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Thu Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Tiến Nam – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Đình N**, sinh ngày 01 tháng 02 năm 1990; nơi sinh: tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 036090005319; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đình T và bà Lê Thị B; vợ, con: Không; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17-11-2023, chuyển tạm giam từ ngày 26-11-2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn Đ**, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1992; nơi sinh: tỉnh Nam Định; nơi cư trú: Thôn T, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định; số căn cước công dân: 036092006550; giới tính: Nam; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hóa: Lớp 9/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Đình T và bà Vũ Thị M; vợ, con: Không; tiền án; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 17-11-2023, chuyển tạm giam từ ngày 26-11-2023 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn T

2. Ông Phạm Văn V

(Không triệu tập đến phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 16-11-2023, nhận được tin báo tố giác của quần chúng nhân dân tại lán trồng vườn nhà Nguyễn Đình N ở Thôn T, xã N, thành phố N có dấu hiệu tội phạm về ma túy, tổ công tác Công an xã N, thành phố N tiến hành kiểm tra phát hiện trên giường trong lán Nguyễn Đình N và Nguyễn Văn Đ đang ngồi có 01 túi ni lông màu trắng, kích thước khoảng (5x8)cm, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng (N và Đ đều khai nhận là ma túy tổng hợp dạng đá mua về cùng sử dụng) và 01 bình thủy tinh màu nâu, cao khoảng 14cm có nắp màu đỏ, trên nắp có 02 lỗ gồm: 01 lỗ cắm ống hút màu đen và 01 lỗ cắm cống thủy tinh (N khai nhận là bộ bình sử dụng ma túy của N). Tổ công tác đã thu giữ, niêm phong vật chứng và lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Nguyễn Đình N, Nguyễn Văn Đ. Ngoài ra, tạm giữ của N chiếc xe máy Exciter màu xanh bạc, biển kiểm soát 18B1 – 752.94 và 02 chiếc điện thoại di động màu đen (01 chiếc mặt sau có chữ Nokia, 01 chiếc không rõ nhãn hiệu), đều đã cũ.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Đình N tại Thôn T, xã N, thành phố N, không thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu gì.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã thu giữ 02 mẫu nước tiểu của Nguyễn Đình N và Nguyễn Văn Đ lần lượt ký hiệu N1, N2.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra quyết định trưng cầu giám định vật chứng thu giữ của Nguyễn Đình N và Nguyễn Văn Đ:

Kết luận giám định số 1674/KL-KTHS ngày 27-11-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định: Có tìm thấy thành phần chất Methamphetamine bám dính trong cống thủy tinh gắn trên nắp 01 bình thủy tinh màu nâu cao khoảng 14cm, có nắp vặn màu đỏ, được niêm phong gửi giám định. Khối lượng mẫu: không xác định được khối lượng mẫu; đều tìm thấy thành phần chất Methamphetamine trong 02 mẫu nước tiểu được niêm phong ký hiệu N1 và N2 gửi giám định.

Bản kết luận giám định số 1662/KL - KTHS ngày 21-11-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu rắn dạng tinh thể màu trắng trong 01 túi ni lông màu trắng kích thước khoảng (5x8)cm, được niêm phong gửi giám định là ma túy. Loại ma túy: Methamphetamine. Khối lượng mẫu: 0,574 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Đình N và Nguyễn Văn Đ khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 16-11-2023, N đang điều khiển xe máy biển kiểm soát 18B1 – 752.94 trên đường Thôn T, xã N, thành phố N thì gặp Đ đi bộ. N rủ Đ góp tiền mua ma

túy cùng sử dụng. Đ đồng ý và đưa cho N 200.000 đồng, N bỏ ra 300.000 đồng. Sau đó, N chở Đ đến khu vực đường N, thành phố N gặp một người đàn ông không quen biết, đứng trên vỉa hè mua 500.000 đồng ma túy, người đàn ông nhận tiền và đưa cho N 01 túi ni lông màu trắng, bên trong chứa ma túy tổng hợp dạng đá. N cất ma túy vào túi áo bên trái đang mặc rồi điều khiển xe chở Đ về nhà N. Cả hai vào lán trồng vườn, ngồi lên giường lấy ma túy vừa mua cùng bộ bình sử dụng ma túy có sẵn trong lán chuẩn bị sử dụng thì bị phát hiện, bắt giữ.

Bản cáo trạng số 21/CT-VKSND-TPNĐ ngày 18-01-2024 Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Nguyễn Đình N và Nguyễn Văn Đ tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình N và Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng cho bản thân như bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đình N và bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội danh, điều luật như bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N và bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Về hình phạt chính:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N từ 30 tháng tù đến 33 tháng tù.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 27 tháng tù đến 30 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy đã thu giữ của các bị cáo; tịch thu tiêu hủy 02 mẫu nước tiểu của các bị cáo; tịch thu tiêu hủy 01 bộ bình sử dụng ma túy; trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình N 02 chiếc điện thoại di động đã thu giữ của bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm.

- Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Đình N và Nguyễn Văn Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đình N và bị cáo Nguyễn Văn Đ nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đình N và bị cáo Nguyễn Văn Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] *Về tội danh:*

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Đình N và bị cáo Nguyễn Văn Đ trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 16-11-2023; Biên bản thu giữ vật chứng ngày 16-11-2023; Bản Kết luận giám định số 1674/KL-KTHS ngày 27-11-2023, Bản kết luận giám định số 1662/KL - KTHS ngày 21-11-2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định; lời khai của những người làm chứng cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 20 giờ 40 phút ngày 16-11-2023, tại lán vườn nhà Nguyễn Đình N ở Thôn T, xã N, thành phố N, tỉnh Nam Định, Nguyễn Đình N và Nguyễn Văn Đ đã có hành vi tàng trữ 0,574gam Methamphetamine mục đích để cùng sử dụng thì bị phát hiện, bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất gây nghiện của Nhà nước, gây mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện; khối lượng Methamphetamine các bị cáo tàng trữ mục đích để sử dụng là 0,574 gam. Vì vậy các bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về vai trò của các bị cáo trong việc thực hiện hành vi phạm tội:

Các bị cáo là đồng phạm cùng thực hiện hành vi phạm tội, mục đích mua ma túy để sử dụng chung. Bị cáo Nguyễn Đình N là người khởi xướng, góp tiền, trực tiếp mua ma túy, chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy; bị cáo Nguyễn Văn Đ góp tiền, cùng đi mua ma túy nên xếp vai trò của bị cáo Nguyễn Đình N cao hơn vai trò của bị cáo Nguyễn Văn Đ.

[4] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thì các bị cáo Nguyễn Đình N và Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; các bị cáo đã hoàn thành thời hạn phục vụ tại ngũ nên các bị cáo sẽ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại

điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Nguyễn Đình N và Nguyễn Văn Đ không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt:

Trên cơ sở xem xét, đánh giá vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo, đối chiếu với các quy định của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, gây ảnh hưởng xấu đối với an ninh trật tự trên địa bàn thành phố N nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn trong khung đã truy tố, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về hình phạt bổ sung:

Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử sẽ không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho các bị cáo: Hiện tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ kết luận nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố N tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau là đúng quy định của pháp luật.

[8] Đối với chất Methamphetamine bám dính trong bộ bình và nước tiểu của Nguyễn Đình N, Nguyễn Văn Đ, do các bị cáo sử dụng ma túy từ trước, không nhớ rõ địa điểm, thời gian, nguồn gốc ma túy đã sử dụng, ngoài ra không có căn cứ nào khác để xác định nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[9] Chiếc xe máy biển kiểm soát 18B1 – 752.94 là tài sản của ông Nguyễn Đình T (bố đẻ N), ông T không biết việc N mượn xe đi mua ma túy nên Cơ quan điều tra trả lại xe cho ông T là đúng quy định của pháp luật.

[10] Về xử lý vật chứng:

- Số ma túy thu giữ của các bị cáo là vật cấm lưu hành nên sẽ tịch thu tiêu hủy;
- Tịch thu tiêu hủy 02 mẫu nước tiểu của các bị cáo;
- 01 bộ bình thủy tinh sử dụng ma túy là công cụ phạm tội nên sẽ tịch thu tiêu hủy;
- 01 chiếc điện thoại di động màu đen, mặt sau có chữ Nokia và 01 chiếc điện thoại di động màu đen không rõ nhãn hiệu, đều đã cũ là tài sản của bị cáo Nguyễn Đình N không liên quan đến hành vi phạm tội nên sẽ trả lại cho bị cáo Nguyễn Đình N nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm.

[11] Về án phí:

Bị cáo Nguyễn Đình N và bị cáo Nguyễn Văn Đ bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng

hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đình N phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 17-11-2023.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 17-11-2023.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy gói ma túy đã thu giữ trong phong bì niêm phong số 1662/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định.

- Tịch thu tiêu hủy mẫu nước tiểu và 01 bộ bình thủy tinh sử dụng ma túy trong 02 túi niêm phong số 1674/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Đình N 01 chiếc điện thoại di động màu đen, đã cũ được niêm phong vào túi niêm phong có mã số NS2A 071561 và 01 chiếc điện thoại di động màu đen, đã cũ, mặt sau có chữ Nokia được niêm phong vào túi niêm phong có mã số NS4 1913250 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phần án phí hình sự sơ thẩm.

(Vật chứng có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26-01-2024).

4. Án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

- Bị cáo Nguyễn Đình N phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Đình N và bị cáo Nguyễn Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự: Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Toà án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.N;
- Công an TP.N;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Bang